



PHÁP LUẬT ĐẠI CƯƠNG

CHƯƠNG 3

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- **Về kiến thức:** sinh viên hiểu được quy phạm pháp luật và hệ thống văn bản quy phạm pháp luật.
- **Về kỹ năng:** sinh viên biết vận dụng các kiến thức đã học vào việc xác định văn bản quy phạm pháp luật ở Việt Nam.

3.1 Quy phạm pháp luật

3.2 Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật

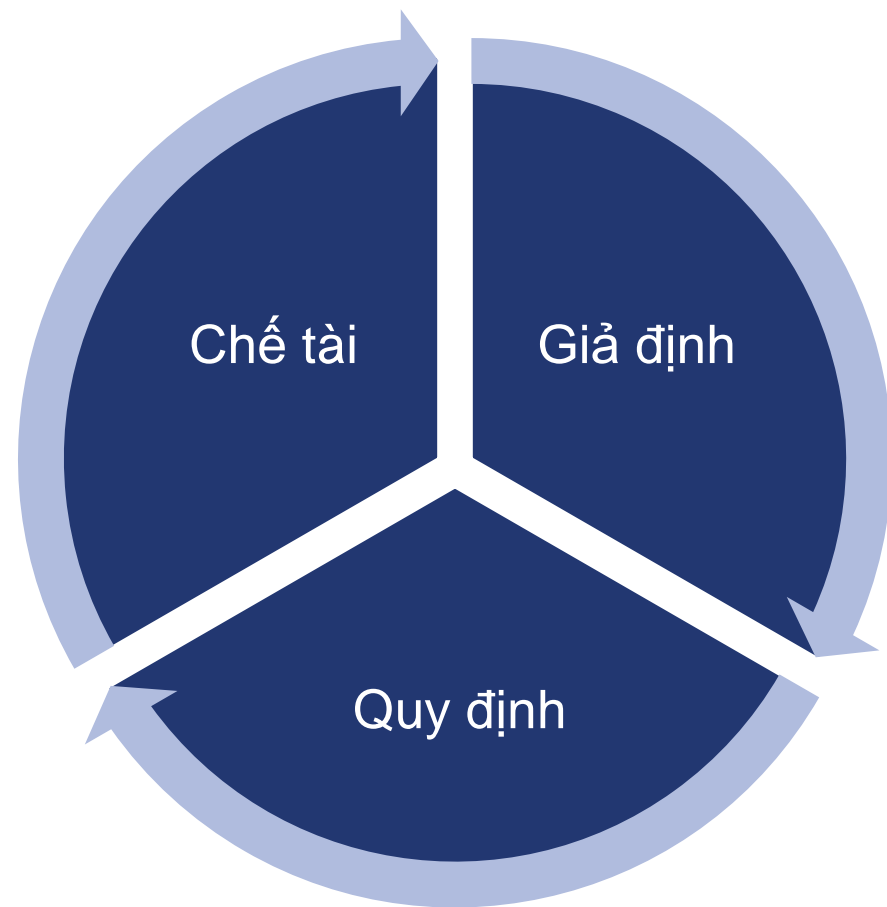
3.1. QUY PHẠM PHÁP LUẬT

3.1.1	Khái niệm quy phạm pháp luật
3.1.2	Cấu trúc của quy phạm pháp luật
3.1.3	Phân loại quy phạm pháp luật

Khái niệm

Quy phạm pháp luật là quy tắc xử sự chung, có tính bắt buộc chung, được biểu thị bằng hình thức nhất định, do nhà nước đặt ra hoặc thừa nhận và bảo đảm thực hiện, nhằm mục đích điều chỉnh các quan hệ xã hội.

3.1.2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT



3.1.2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Giả định

Bộ phận nêu lên (dự liệu) điều kiện, hoàn cảnh có thể xảy ra trong đời sống và khi chủ thể ở vào điều kiện, hoàn cảnh đó sẽ phải chịu sự tác động của quy phạm pháp luật.

Bài tập 1

Xác định giả định trong quy phạm sau:

“Công dân Việt Nam nào cầu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.”

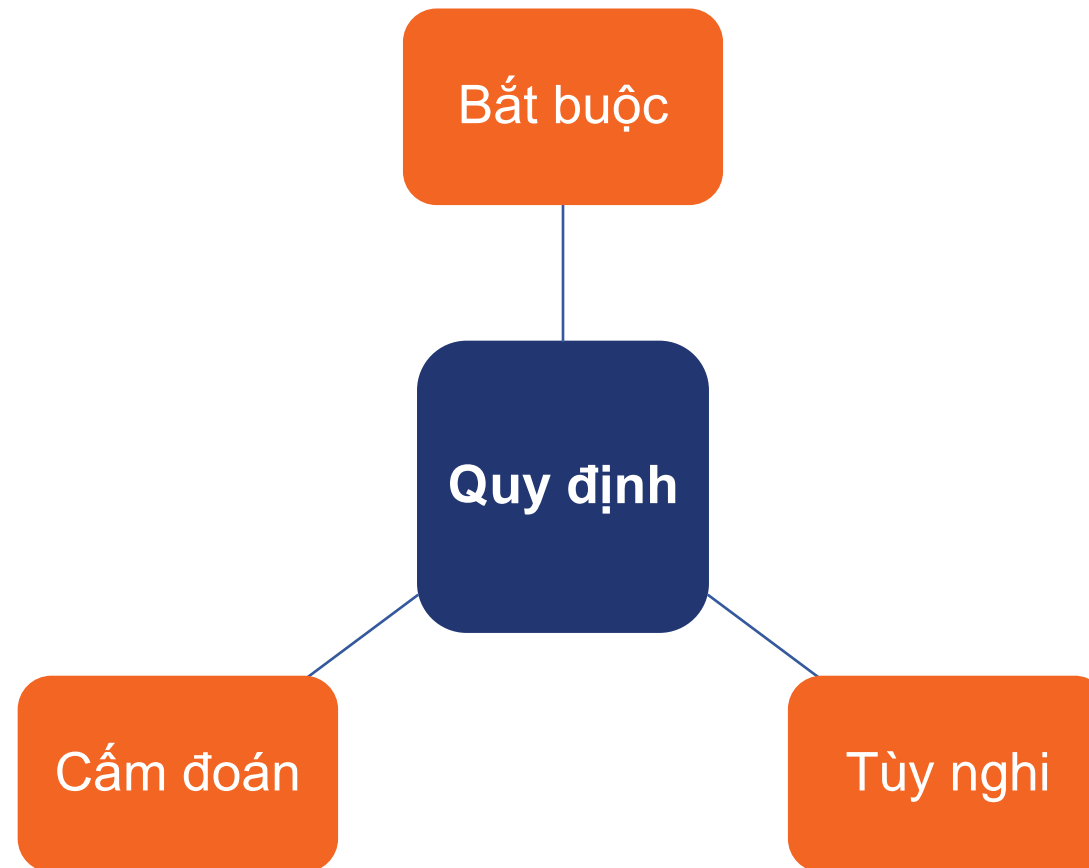
Khoản 1 Điều 108 Bộ luật hình sự năm 2015

3.1.2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Quy định

Bộ phận nêu lên cách xử sự mà các chủ thể khi ở vào điều kiện, hoàn cảnh quy phạm pháp luật đã giả định được phép hoặc buộc phải thực hiện.

3.1.2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT



Bài tập 2

Xác định quy định trong quy phạm sau:

“Vợ chồng có quyền lựa chọn áp dụng chế độ tài sản theo luật định hoặc theo chế độ tài sản theo thỏa thuận”.

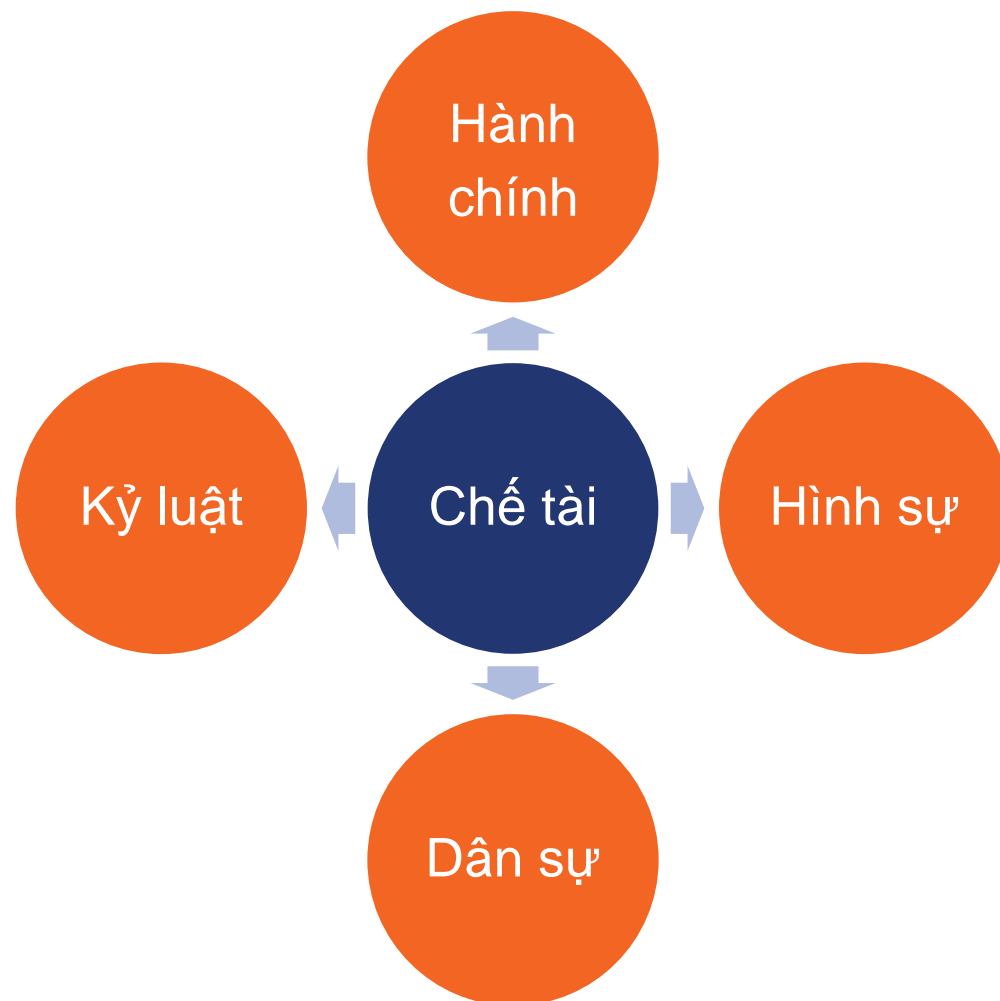
Khoản 1 Điều 28 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014

3.1.2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Chế tài

Bộ phận dự kiến về những biện pháp được áp dụng đối với chủ thể khi ở vào điều kiện, hoàn cảnh quy phạm pháp luật đã giả định mà không thực hiện đúng quy định của quy phạm pháp luật.

3.1.2. CẤU TRÚC CỦA QUY PHẠM PHÁP LUẬT



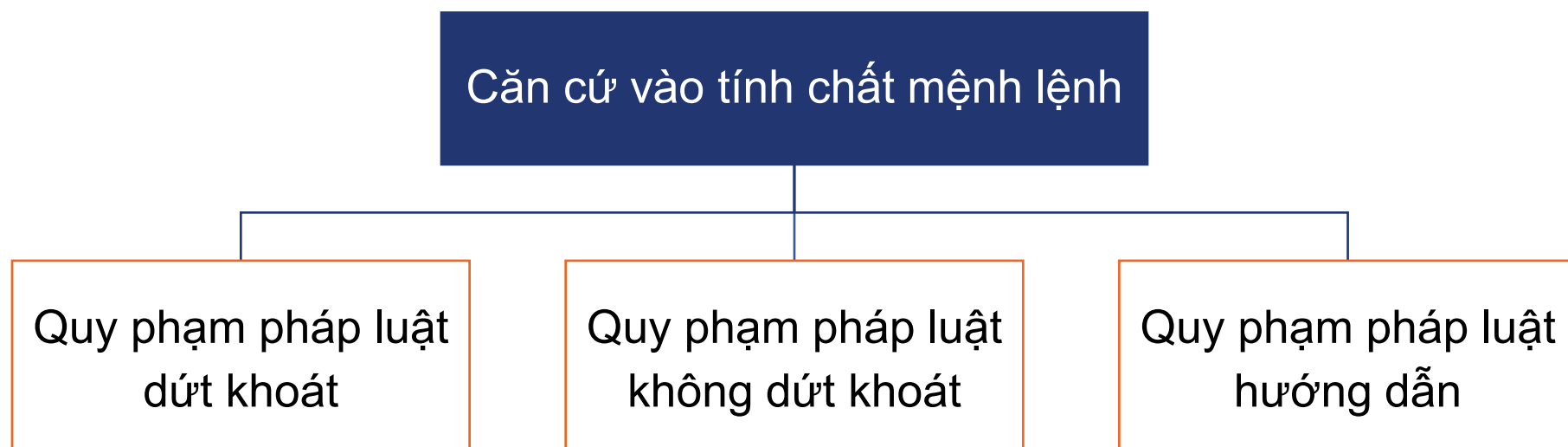
Bài tập 3

Xác định chế tài trong quy phạm sau:

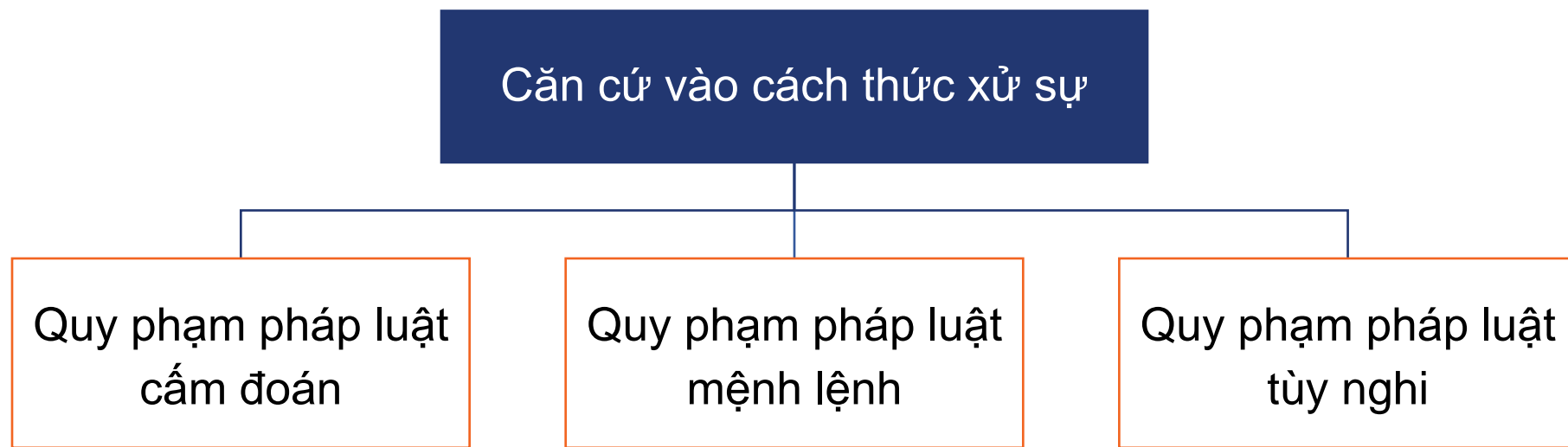
“Công dân Việt Nam nào cấu kết với nước ngoài nhằm gây nguy hại cho độc lập, chủ quyền, thống nhất và toàn vẹn lãnh thổ của Tổ quốc, chế độ xã hội chủ nghĩa và Nhà nước CHXHCN Việt Nam, tiềm lực quốc phòng, an ninh thì bị phạt tù từ 12 năm đến 20 năm, tù chung thân hoặc tử hình.”

Khoản 1 Điều 108 Bộ luật hình sự năm 2015

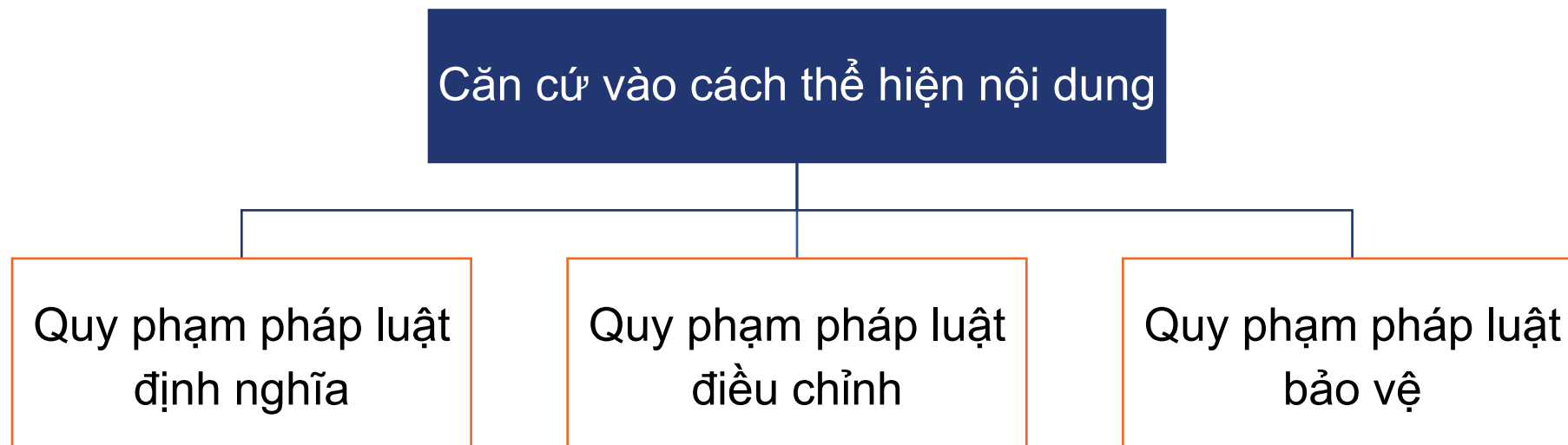
3.1.3. PHÂN LOẠI QUY PHẠM PHÁP LUẬT



3.1.3. PHÂN LOẠI QUY PHẠM PHÁP LUẬT



3.1.3. PHÂN LOẠI QUY PHẠM PHÁP LUẬT



3.2. VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

3.2.1	Khái niệm và đặc điểm của văn bản quy phạm pháp luật
3.2.2	Hệ thống văn bản quy phạm pháp luật
3.2.3	Hiệu lực và nguyên tắc áp dụng của văn bản quy phạm pháp luật

3.2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Khái niệm

Văn bản quy phạm pháp luật là văn bản có chứa quy phạm pháp luật, được ban hành đúng thẩm quyền, hình thức, trình tự, thủ tục quy định trong Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

3.2.1. KHÁI NIỆM, ĐẶC ĐIỂM CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

Đặc điểm

Văn bản quy phạm pháp luật do chủ thể có thẩm quyền ban hành.

Việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật tuân theo trình tự, thủ tục do pháp luật quy định.

Nội dung văn bản quy phạm pháp luật chứa các quy phạm pháp luật.

Nhà nước đảm bảo việc thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật.

Câu 1: Văn bản nào là văn bản quy phạm pháp luật?

- A. Luật giáo dục được Quốc hội thông qua.
- B. Thư chúc tết của Chủ tịch nước.
- C. Quyết định trao tặng học bổng của Hiệu trưởng trường ĐH Phenikaa.
- D. Công điện phòng chống bão lụt của Chủ tịch UBND tỉnh.

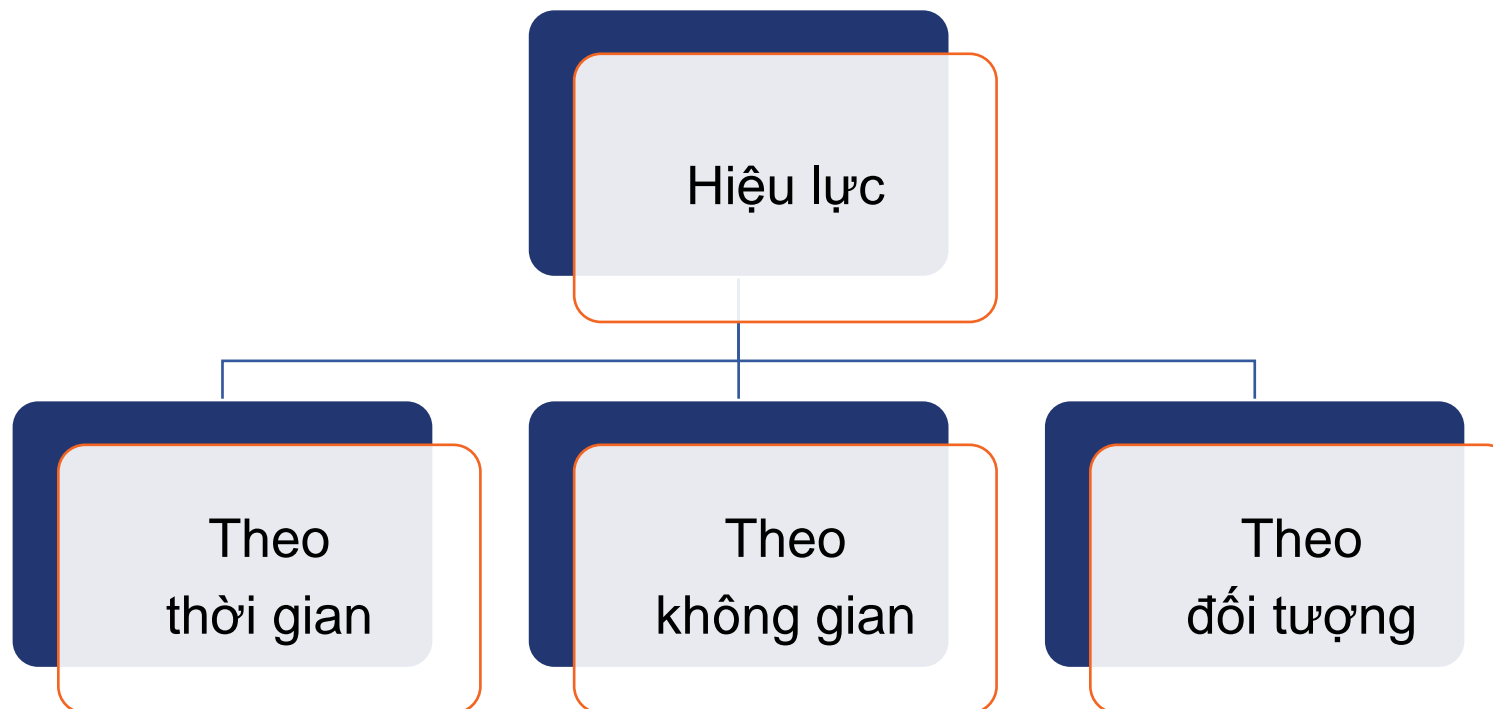
3.2.2. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM

STT	Cơ quan ban hành	Văn bản
1	Quốc hội	Hiến pháp, Luật, Nghị quyết
2	Ủy ban Thường vụ Quốc hội	Pháp lệnh, Nghị quyết
3	Chủ tịch nước	Lệnh, Quyết định
4	Chính phủ	Nghị định
5	Thủ tướng chính phủ	Quyết định
6	Hội đồng Thẩm phán tòa án nhân dân tối cao	Nghị quyết
7	Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ	Thông tư
8	Chánh án Tòa án nhân dân tối cao	Thông tư
9	Viện trưởng Viện kiểm sát tối cao	Thông tư

3.2.2. HỆ THỐNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT CỦA VIỆT NAM

STT	Cơ quan ban hành	Văn bản
10	Tổng Kiểm toán Nhà nước	Quyết định
11	Ủy Ban thường vụ Quốc hội hoặc Chính phủ với Đoàn chủ tịch Ủy ban trung ương mặt trận tổ quốc Việt Nam	Nghị quyết liên tịch
12	Giữa Chánh án Tòa án nhân dân tối cao với Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao; giữa Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ với Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao Lưu ý: Không có Thông tư liên tịch giữa các Bộ trưởng và Thủ trưởng cơ quan ngang bộ	Thông tư liên tịch
13	Hội đồng nhân dân	Nghị quyết
14	Ủy ban nhân dân	Quyết định (bỏ Chỉ thị)

3.1.3. HIỆU LỰC VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG CỦA VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT



3.1.3. HIỆU LỰC VÀ NGUYÊN TẮC ÁP DỤNG VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

- Nguyên tắc áp dụng từ thời điểm văn bản bắt đầu có hiệu lực;
- Nguyên tắc áp dụng văn bản có hiệu lực pháp lý cao hơn;
- Nguyên tắc áp dụng văn bản được ban hành sau;
- Nguyên tắc áp dụng hiệu lực trở về trước có lợi cho đối tượng;
- Nguyên tắc áp dụng không làm cản trở việc thực hiện điều ước quốc tế;
- Nguyên tắc ưu tiên áp dụng luật chuyên ngành trước luật chung;

Câu 2: Hiệu lực theo thời gian được xác định như thế nào?

- A. Từ thời điểm phát sinh hiệu lực của văn bản.
- B. Từ khi chấm dứt hiệu lực của văn bản.
- C. Từ thời điểm văn bản được ký ban hành.
- D. Từ thời điểm phát sinh hiệu lực đến khi chấm dứt hiệu lực của văn bản.

Chương 3 giúp người học nhận thức được:

- Xác định quy phạm pháp luật trong văn bản từ đó hiểu được xử sự được quy định trong quy phạm pháp luật: được phép làm, không được phép làm hay bắt buộc phải làm.
- Xác định được văn bản quy phạm pháp luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam và nguyên tắc áp dụng.